

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng*

Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNC) tại tỉnh Thanh Hóa. Dữ liệu giai đoạn 2018-2024 cho thấy, dù toàn tỉnh đã có hơn 2.100 đơn vị được giao quyền tự chủ, tỷ lệ đạt mức tự chủ cao còn hạn chế, chủ yếu trong lĩnh vực y tế và giáo dục nghề nghiệp. Nguyên nhân là do định mức kinh tế kỹ thuật chậm ban hành, năng lực quản trị tài chính chưa đồng đều và cơ chế giám sát còn yếu. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp gồm hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị, mở rộng xã hội hóa và tăng minh bạch tài chính.

• Từ khóa: tự chủ tài chính; ĐVSNC; Thanh Hóa; quản trị tài chính công; cải cách tài chính công.

The article analyzes the theoretical and practical basis of the financial autonomy mechanism of public service units (PSUs) in Thanh Hoa province. Data from 2018-2024 shows that although the whole province has more than 2,100 units granted autonomy, the rate of achieving high levels of autonomy is still limited, mainly in the fields of health and vocational education. The reasons are due to slow issuance of technical and economic norms, uneven financial management capacity and weak monitoring mechanism. From there, the article proposes solutions including improving institutions, improving management capacity, expanding socialization and increasing financial transparency.

• Key words: financial autonomy; PSUs; Thanh Hoa; public financial management; public financial reform.

Ngày nhận bài: 14/10/2025

Ngày gửi phản biện: 23/10/2025

Ngày duyệt đăng: 26/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i301.14>

1. Những lý luận về tự chủ tài chính ĐVSNC

Trong hệ thống quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNC) giữ vai trò then chốt trong cung ứng các dịch vụ công thiết yếu như giáo dục, y tế, văn hóa và an sinh xã hội. Nghị quyết 19-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, gắn quyền hạn với nghĩa vụ và kết quả đầu ra, coi tự chủ tài chính không chỉ là một cơ chế quản lý mà còn là bước đổi mới tư duy quản trị công theo hướng minh bạch và hiệu quả.

Theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP, ĐVSNC được phân thành bốn nhóm tùy mức độ tự chủ, từ tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư

đến hoàn toàn do ngân sách nhà nước hỗ trợ. Cách phân loại này giúp xác định rõ phạm vi tự chủ và nâng cao trách nhiệm giải trình của từng đơn vị.

Tự chủ tài chính được hiểu là quyền và trách nhiệm trong tạo lập, khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính nhằm thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng. Quyền này bao gồm tự chủ nguồn thu, chi tiêu, quản lý tài sản công và phân phối kết quả tài chính, nhưng luôn trong khuôn khổ pháp luật và bảo đảm công khai, minh bạch.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cơ chế “tự chủ có điều kiện” trao quyền gắn với giám sát, đánh giá định kỳ mang lại hiệu quả bền vững. Đối với Việt Nam, nhiều nghiên cứu chỉ ra năng lực quản trị nội bộ, đặc biệt là trình độ kế toán và kiểm soát chi phí, là yếu tố quyết định mức độ thành công của tự chủ. Tự chủ tài chính vì vậy trở thành bước chuyển quan trọng từ tư duy “xin - cấp” sang quản trị theo kết quả, hướng tới nâng cao hiệu quả nguồn lực và chất lượng dịch vụ công.

2. Thực trạng tự chủ tài chính của các ĐVSNC tại tỉnh Thanh Hóa

Trong những năm gần đây, Thanh Hóa đã triển khai quyết liệt chủ trương đổi mới cơ chế hoạt động và tự chủ tài chính đối với các ĐVSNC. Theo báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (4/2024), tỉnh hiện có 2.181 ĐVSNC được giao quyền tự chủ ở các mức độ khác nhau, phản ánh quy mô lớn và vai trò trung tâm của tỉnh trong cung ứng dịch vụ công cho khu vực Bắc Trung Bộ.

Dù vậy, mức độ tự chủ của các đơn vị còn khiêm tốn. Toàn tỉnh chỉ có 03 đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư, cùng 46 đơn

* Học viện Tài chính

vị tự bảo đảm chi thường xuyên, chiếm khoảng 2,3% tổng số. Hơn 95% ĐVSNCL vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Các đơn vị đạt mức tự chủ cao chủ yếu thuộc lĩnh vực y tế, kiểm định và khoa học - công nghệ do có khả năng tạo nguồn thu ổn định từ dịch vụ chuyên môn.

Trong giáo dục và đào tạo, quy mô trường công lớn nhưng khả năng tự chủ tài chính hạn chế do học phí áp dụng thống nhất, chưa phản ánh đầy đủ chi phí thực tế. Phần lớn trường phổ thông ở nhóm 3 (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên), còn nhiều trường mầm non, tiểu học vùng nông thôn vẫn thuộc nhóm 4, hoàn toàn do ngân sách chi trả.

Lĩnh vực y tế là điểm sáng tương đối. Một số bệnh viện tuyến tỉnh như Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Nhi Thanh Hóa đã tiến gần nhóm 2 nhờ nguồn thu từ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và dịch vụ kỹ thuật cao. Tuy nhiên, các cơ sở tuyến huyện gặp khó khăn do lượng bệnh nhân thấp và viện phí chưa đáp ứng chi phí thực tế.

Từ 2018-2023, Thanh Hóa đã tinh gọn gần 12% số ĐVSNCL thông qua sáp nhập trường học, trung tâm văn hóa và các đơn vị ngành nông nghiệp. Song song, tỉnh yêu cầu các đơn vị thực hiện khoán chi và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhằm nâng cao tính chủ động và tiết kiệm ngân sách.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ủy ban Tài chính - Ngân sách, tiến trình tự chủ còn vướng một số điểm nghẽn: định mức kinh tế - kỹ thuật chưa đầy đủ; đơn giá dịch vụ công chậm điều chỉnh; cơ chế đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công thiếu căn cứ chi phí chuẩn. Những bất cập này khiến nhiều đơn vị khó xây dựng phương án tài chính phù hợp và hạn chế động lực nâng mức tự chủ.

Năng lực quản trị tài chính cũng là thách thức lớn. Báo cáo Sở Tài chính (2023) cho thấy 35% đơn vị chưa xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả tài chính nội bộ; gần 40% chưa triển khai khoán chi toàn diện; và chỉ 60% đơn vị công khai tài chính đúng quy định. Việc “có quyền nhưng thiếu năng lực” khiến tự chủ ở nhiều nơi mang tính hình thức.

Về nguồn lực, tổng thu sự nghiệp công lập năm 2023 đạt 8.350 tỷ đồng, tăng khoảng 7,5%/năm nhưng chỉ đáp ứng 36% nhu cầu chi thường xuyên. Chi thường xuyên đạt 22.500 tỷ đồng, trong đó 68% dành cho tiền lương và phụ cấp, cho thấy dư địa tiết kiệm không lớn.

Tỉnh đã bước đầu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tự chủ dựa trên năng lực tài chính, quản trị và

chất lượng dịch vụ, song việc đánh giá theo kết quả đầu ra mới ở giai đoạn thí điểm và chưa được nhân rộng.

Bên cạnh đó, tâm lý e ngại trách nhiệm vẫn hiện hữu. Khung pháp lý chưa rõ ràng về xử lý rủi ro tài chính khiến nhiều đơn vị chọn giải pháp an toàn, hạn chế mở rộng hoạt động dịch vụ dù có tiềm năng. Cơ chế xã hội hóa cũng phát huy còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở y tế, giáo dục nghề nghiệp và văn hóa - du lịch.

Nhìn chung, Thanh Hóa đã đạt những kết quả đáng ghi nhận trong giao quyền tự chủ tài chính nhưng hiệu quả chưa đồng đều. Muốn tiến tới tự chủ thực chất, tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, chuẩn hóa định mức kinh tế - kỹ thuật, nâng cao năng lực quản trị tài chính và đẩy mạnh cơ chế ngân sách theo kết quả đầu ra.

3. Đánh giá tự chủ tài chính ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Từ thực trạng nêu trên, có thể thấy cơ chế tự chủ tài chính của các ĐVSNCL tại Thanh Hóa đã ghi nhận những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần tiếp tục khắc phục để tiến tới tự chủ thực chất và bền vững.

Về kết quả đạt được, tỉnh đã bước đầu hoàn thiện khuôn khổ triển khai tự chủ tài chính trên cơ sở các quy định của Trung ương, đặc biệt là Nghị định 60/2021/NĐ-CP. Các ĐVSNCL được trao quyền rộng hơn trong lập kế hoạch tài chính, quyết định chi tiêu, quản lý tài sản công và phân phối kết dư. Việc chuyển từ cơ chế “xin - cho” sang “giao quyền - chịu trách nhiệm” đã góp phần đổi mới tư duy quản lý tài chính, tăng tính chủ động của người đứng đầu và nâng hiệu quả sử dụng ngân sách.

Nguồn thu sự nghiệp có xu hướng tăng đều, thể hiện tác động tích cực của tự chủ. Giai đoạn 2018-2023, tổng thu sự nghiệp công tăng bình quân 7,5%/năm, đạt khoảng 8.350 tỷ đồng năm 2023. Một số đơn vị, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, đã hình thành được nguồn thu ổn định từ dịch vụ kỹ thuật cao và khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, qua đó giảm dần áp lực lên ngân sách và cải thiện chất lượng dịch vụ.

Song song, tỉnh đẩy mạnh tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại các ĐVSNCL nhằm giảm chi thường xuyên. Từ năm 2018 đến 2023, số lượng đơn vị giảm hơn 12%, góp phần tiết kiệm chi hành chính và tinh giản biên chế. Các đơn vị từng bước xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tăng cường công

khai tài chính và áp dụng các cơ chế khoán, qua đó củng cố tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Tuy vậy, quá trình tự chủ vẫn bộc lộ nhiều hạn chế mang tính hệ thống. Trước hết, mức độ tự chủ giữa các lĩnh vực còn rất chênh lệch. Y tế và giáo dục nghề nghiệp có khả năng tạo thu tương đối tốt, trong khi văn hóa, thể thao, môi trường hay giáo dục phổ thông gần như phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở việc thiếu định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ công cập nhật, khiến nhiều đơn vị không thể xây dựng giá thành thực tế để thực hiện cơ chế đặt hàng hay đấu thầu dịch vụ theo quy định hiện hành.

Chất lượng quản trị tài chính nội bộ cũng chưa đồng đều. Khoảng 35-40% đơn vị chưa lập báo cáo tài chính đầy đủ hoặc chưa công khai tài chính đúng quy định. Ở nhiều nơi, người đứng đầu còn e ngại rủi ro nên chưa mạnh dạn mở rộng hoạt động dịch vụ hay áp dụng khoán chi. Năng lực kế toán quản trị, đặc biệt trong phân tích chi phí - doanh thu, còn hạn chế, làm suy giảm chất lượng ra quyết định trong bối cảnh tự chủ.

Mức độ minh bạch tài chính vẫn là điểm yếu. Việc công bố thông tin về kết quả tài chính, phân phối thu nhập tăng thêm hay sử dụng kinh phí chưa được thực hiện đồng bộ. Hệ thống kiểm tra - kiểm toán nội bộ mới hình thành ở một số đơn vị lớn, trong khi đa số trường học, trung tâm hoặc cơ sở y tế tuyến huyện chưa có bộ phận giám sát chuyên trách, dẫn đến nguy cơ “tự chủ hình thức”.

Từ phía chính quyền địa phương, áp lực cân đối ngân sách vẫn rất lớn. Dù tự chủ giúp giảm chi trực tiếp, tỉnh vẫn phải bảo đảm phần lớn nguồn lực cho nhóm đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên. Năm 2023, ngân sách tỉnh phải chi bổ sung khoảng 14.000 tỷ đồng cho khu vực sự nghiệp công, tương đương 62% tổng chi thường xuyên, phản ánh mức độ phụ thuộc ngân sách còn cao.

Tổng thể, tự chủ tài chính tại Thanh Hóa đã mở ra hướng đổi mới tích cực, nhưng chưa đạt tới mức tự chủ thực chất. Cơ chế hiện hành mới chú trọng trao quyền, trong khi các điều kiện bảo đảm thực thi, như định mức chuẩn, năng lực quản trị, hệ thống giám sát và phương thức đánh giá theo kết quả đầu ra vẫn chưa hoàn thiện. Nhận định của Ngân hàng Thế giới cho thấy các địa phương, trong đó có Thanh Hóa, cần chuyển mạnh từ “tự chủ đầu vào” sang “tự chủ theo kết quả”, coi hiệu

quả tài chính và chất lượng dịch vụ công là thước đo căn bản.

4. Giải pháp nâng cao tự chủ ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Từ những kết quả và hạn chế đã nêu, đề cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL của Thanh Hóa đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả bền vững, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về thể chế, tài chính, quản trị và con người.

Thứ nhất, về khung thể chế, tỉnh cần rà soát, cập nhật và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, cùng đơn giá dịch vụ công cho mọi lĩnh vực sự nghiệp. Đây là nền tảng để chuyển từ cơ chế “giao nhiệm vụ” sang “đặt hàng” hoặc “đấu thầu” dịch vụ công, bảo đảm chi phí đúng và đủ. Kinh nghiệm OECD cho thấy, minh bạch hóa chi phí và chuẩn hóa định mức là điều kiện tiên quyết để hình thành tự chủ tài chính bền vững. Thanh Hóa nên phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ chuyên ngành để hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho các ĐVSNCL triển khai cơ chế tự chủ đầy đủ.

Thứ hai, tăng cường phân cấp, phân quyền và trách nhiệm giải trình. Khi quyền được mở rộng, cơ chế kiểm tra, giám sát cũng phải song song được củng cố. Tỉnh nên áp dụng mô hình “tự chủ có kiểm soát”, tập trung giám sát đầu ra và kết quả tài chính thay vì chi tiết từng khoản. Các ĐVSNCL cần xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ và quy trình kiểm soát rủi ro tài chính phù hợp quy mô, giảm sai phạm và nâng cao tính minh bạch.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản trị tài chính. Cần đào tạo định kỳ cho cán bộ tài chính, kế toán trưởng và người đứng đầu, tập trung vào phân tích chi phí, dự báo tài chính và lập kế hoạch ngân sách theo kết quả. Thí điểm phần mềm quản lý tài chính - ngân sách tích hợp giữa Sở Tài chính, Sở Nội vụ và Kho bạc Nhà nước sẽ giúp theo dõi hiệu quả sử dụng nguồn lực công theo thời gian thực.

Thứ tư, khuyến khích đa dạng hóa nguồn thu. ĐVSNCL có thể mở rộng dịch vụ phù hợp, liên kết công - tư, hoặc khai thác tài sản công nhân rồi theo quy định. Cơ chế khuyến khích, như giữ lại tỷ lệ cao từ phần chênh lệch thu - chi hợp pháp, sẽ tạo động lực tự chủ, nâng cao năng lực tài chính và thu hút nhân lực chất lượng cao.

Thứ năm, đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP) là “trụ cột mềm” hỗ trợ tự chủ.

Cần xây dựng danh mục dự án ưu tiên, cơ chế chia sẻ lợi ích và rủi ro rõ ràng, đặc biệt trong y tế kỹ thuật cao, giáo dục nghề nghiệp và văn hóa - du lịch. PPP vừa giảm gánh nặng ngân sách, vừa nâng chất lượng dịch vụ nhờ yếu tố cạnh tranh và công nghệ từ khu vực tư nhân.

Thứ sáu, tăng cường minh bạch và ứng dụng công nghệ. Cần xây dựng cổng thông tin công khai tài chính sự nghiệp công, cập nhật định kỳ báo cáo tài chính, kết quả sử dụng kinh phí và phân phối kết dư. Áp dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử và dữ liệu mở sẽ đồng bộ hóa quản lý tài chính các cấp, hướng tới chính quyền số.

Thứ bảy, về chính sách nhân lực và cơ chế khuyến khích, cần đảm bảo thu nhập của người lao động tương xứng với năng suất và hiệu quả công việc. Cơ chế lương theo hiệu quả kết hợp thưởng - phạt rõ ràng sẽ tạo động lực đổi mới, gắn lợi ích cá nhân với hiệu quả hoạt động đơn vị.

Cuối cùng, Thanh Hóa cần coi tự chủ tài chính là trọng tâm cải cách tài chính công giai đoạn 2025-2030, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đánh giá hiệu quả tự chủ nên thực hiện hàng năm, dựa trên các chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ tự chủ, hiệu quả ngân sách, năng suất lao động và chất lượng dịch vụ. Kết quả đánh giá sẽ là căn cứ điều chỉnh phân bổ ngân sách, thay vì chỉ dựa trên chi phí đầu vào.

Như vậy, nâng cao tự chủ tài chính không chỉ là kỹ thuật tài chính mà còn là đổi mới tư duy quản lý công. Khi quyền hạn đi đôi với trách nhiệm, định mức và cơ chế giám sát hoàn thiện, tự chủ sẽ trở thành động lực quan trọng để khu vực công vận hành hiệu quả, giảm gánh nặng ngân sách và phục vụ người dân tốt hơn.

4. Phụ lục

Phụ lục 1: Cơ cấu ĐVSNC L theo mức độ tự chủ tại Thanh Hóa (năm 2023)

Nhóm tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP	Số lượng đơn vị	Tỷ lệ (%)	Lĩnh vực chủ yếu	Nguồn thu chủ yếu
Nhóm 1 - Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	3	0,14	Y tế, kiểm định	Dịch vụ kỹ thuật cao, phí kiểm định
Nhóm 2 - Tự bảo đảm chi thường xuyên	46	2,11	Y tế, giáo dục nghề nghiệp	Học phí, bảo hiểm y tế, dịch vụ đào tạo
Nhóm 3 - Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	1.030	47,25	Giáo dục phổ thông, văn hóa, môi trường	Học phí, phí dịch vụ công
Nhóm 4 - Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên	1.102	50,5	Văn hóa, thể thao, khoa học, quản lý chuyên ngành	Ngân sách nhà nước
Tổng cộng	2.181	100%		

Nguồn: Sở Tài chính Thanh Hóa (2023); UBND Thanh Hóa (2023)

Phụ lục 2: Cơ cấu chi thường xuyên khu vực SNCL tỉnh Thanh Hóa (năm 2023)

Khoản mục chi	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	15.300	68,0	Gồm bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp
Chi hoạt động chuyên môn	4.650	20,7	Vật tư, thiết bị, giảng dạy, y tế, đào tạo
Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	1.250	5,6	Trang thiết bị, tài sản nhỏ
Chi khác (hội nghị, công tác phí, điện nước...)	1.300	5,7	Quản lý hành chính và chi phí khác
Tổng cộng	22.500	100%	

Nguồn: Báo cáo quyết toán chi sự nghiệp công lập Thanh Hóa, 2023 (Sở Tài chính)

Phụ lục 3: Tăng trưởng nguồn thu SNCL tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2023

Năm	Tổng thu sự nghiệp (tỷ đồng)	Tăng trưởng so với năm trước (%)	Ghi chú
2018	5.820	-	Năm cơ sở
2019	6.120	5,1	Ổn định sau tình giãn biên chế
2020	6.450	5,4	Ảnh hưởng dịch COVID-19
2021	7.130	10,6	Tăng nhờ khôi phục dịch vụ công
2022	7.760	8,8	Bắt đầu áp dụng Nghị định 60/2021/NĐ-CP
2023	8.350	7,6	Ổn định, đa dạng hóa nguồn thu
Bình quân 2018-2023	6.938	7,5	

Nguồn: Sở Tài chính Thanh Hóa (2023)

Phụ lục 4: Tình hình xã hội hóa dịch vụ công tại Thanh Hóa (tính đến 2023)

Lĩnh vực	Số dự án xã hội hóa	Vốn đầu tư huy động (tỷ đồng)	Ghi chú
Y tế	21	2.300	Bệnh viện, trung tâm kỹ thuật cao
Giáo dục nghề nghiệp	15	1.150	Liên kết đào tạo - dạy nghề
Văn hóa - du lịch	10	860	Bảo tàng, trung tâm văn hóa, du lịch cộng đồng
Thể thao	7	490	Liên kết CLB thể thao - sân bãi
Tổng cộng	53	4.800	

Nguồn: UBND Thanh Hóa (2023)

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành TW. (2017). Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ĐVSNC L. Hà Nội: Văn phòng TW Đảng.

Bộ GD&ĐT. (2023). Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài chính các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2018-2023.

Bộ Tài chính. (2023). Tổng kết 2 năm thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNC L.

Chính phủ. (2021). Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNC L.

Chính phủ. (2024). Nghị quyết số 91/NQ-CP về đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ SNCL.

Đỗ, Đ. K. (2023). Tự chủ tài chính và chất lượng bệnh viện công lập ở Việt Nam. Hà Nội: Đại học Kinh tế Quốc dân.

Nguyễn, Đ. H. (2020). Cơ chế tự chủ tài chính tại Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Sở Tài chính Thanh Hóa. (2023). Báo cáo quyết toán chi SNCL năm 2023. Thanh Hóa: Sở Tài chính.

UBND tỉnh Thanh Hóa. (2023). Báo cáo tình hình sắp xếp tổ chức và tinh gọn mạng lưới ĐVSNC L giai đoạn 2018-2023.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2024). Báo cáo kết quả giám sát về đổi mới cơ chế hoạt động của ĐVSNC L. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.

International Monetary Fund (IMF). (2022). Fiscal decentralization improves social outcomes when countries have good governance (IMF Working Paper No. 22/111). Washington, DC: IMF.

Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2023). Government at a glance 2023. Paris: OECD Publishing.

World Bank. (2023). Vietnam subnational public finance diagnostic. Washington, DC: World Bank Group.